

NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG SƠ ĐỒ TƯ DUY NHẪM NÂNG CAO KỸ NĂNG ĐỌC HIỂU THEO CHUẨN ĐẦU RA TOEIC CHO SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN

VŨ THI THU TRANG*

Abstract: Mindmapping has been considered a new teaching and learning method in recent years creating new learning environment which can motivate students to actively participate in learning process in general and learning foreign languages in particular. The main aim of this study is to identify the effects of mindmapping on and its application in enhancing TOEIC reading comprehension ability of students to meet the output standard for non-English major students at Thương mại Univeristy. The main research methods used in this study is experimental. Though the number of students getting fairly good scores are still limited, and those who are unqualified have not been significantly reduced, initial findings show that this method has partly contributed to improving the reading comprehension ability required by the TOEIC test format for non-English major students at the Thương mại University.

Key words: *Mindmapping, reading comprehension, TOEIC reading ability, outcome standard, non-English major students.*

1. Đặt vấn đề

Trước ngưỡng cửa của cách mạng công nghiệp 4.0, giáo dục đào tạo nói chung và giáo dục đào tạo đại học ở Việt Nam nói riêng đã liên tục có nhiều đổi mới nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu xã hội. Đặc biệt việc áp dụng chuẩn đầu ra tiếng Anh cho các chương trình đào tạo tại các cơ sở giáo dục đại học đào tạo sinh viên (SV) không chuyên tiếng Anh lại càng khiến cho việc nghiên cứu và cải thiện kỹ năng tiếng Anh của SV trở nên vô cùng cấp bách.

Hiện tại, Trường Đại học Thương mại (ĐHTM) đã áp dụng chuẩn đầu ra tiếng Anh cho các đối tượng SV trong trường. Theo Quyết định số 1551/QĐ-ĐHTM ngày 13/10/2021 của Trường ĐHTM về việc ban hành Quy định chuẩn đầu ra tiếng Anh đối với SV trình độ đại học của Trường, TOEIC là một trong những chứng chỉ quốc tế được công nhận và SV tốt nghiệp các chương trình không thuộc Ngành Ngôn ngữ Anh phải đạt chuẩn đầu ra với mức điểm TOEIC tối thiểu là 450. Để thực hiện được bài thi TOEIC đạt chuẩn đầu ra theo Quy định của Nhà trường, SV cần trang bị kỹ năng đọc hiểu tốt (bên cạnh kỹ năng nghe hiểu). Điều này đòi hỏi giảng viên phải có nhiều đổi mới trong phương pháp giảng dạy nhằm phát huy tính chủ động, tích cực và sáng tạo của SV trong quá trình học tiếng Anh nói chung và học kỹ năng đọc hiểu nói riêng.

Phương pháp dạy học bằng *sơ đồ tư duy* (mind map) là một trong những phương pháp dạy học hiện đại, góp phần giúp người học dễ ghi nhớ, phát triển nhận thức, khả năng tư duy, óc tưởng tượng và khả năng sáng tạo. Vì vậy, việc sử dụng sơ đồ tư duy (SĐTD) nhằm nâng cao kỹ năng đọc hiểu theo

* Trường Đại học Thương mại.

chuẩn đầu ra TOEIC cho SV không chuyên tiếng Anh tại Trường ĐHTM là cần thiết và quan trọng cho SV ở tất cả các chuyên ngành đào tạo trong trường.

Với những lí do trên, tác giả thực hiện *Nghiên cứu ứng dụng sơ đồ tư duy nhằm nâng cao kĩ năng đọc hiểu theo chuẩn đầu ra TOEIC cho sinh viên không chuyên ngành tiếng Anh thương mại tại Trường Đại học Thương mại* với mong muốn góp phần tăng cường khả năng đọc hiểu tiếng Anh của SV không chuyên tiếng Anh nói chung và SV của ĐHTM nói riêng để từ đó nâng cao điểm số TOEIC của SV nhằm đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh theo quy đúng định.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái niệm sơ đồ tư duy

Theo quan điểm của nhà nghiên cứu Tony Buzan, người sáng lập ra SĐTD [14] “sơ đồ tư duy là một hình thức ghi chép sử dụng màu sắc và hình ảnh để mở rộng và đào sâu các ý tưởng, từ đó nâng cao năng lực sáng tạo”. Có thể miêu tả SĐTD là một kĩ thuật hình họa, với sự kết hợp giữa từ ngữ, hình ảnh, đường nét, màu sắc phù hợp, tương thích với cấu trúc, hoạt động và chức năng của bộ não giúp người học khai phá tiềm năng vô tận của bộ não. SĐTD có thể giúp người dùng sắp xếp kế hoạch trong ngày, trong tuần, trong tháng hoặc năm... Trong công việc, SĐTD sẽ giúp người dùng nổi trội trong các lĩnh vực đòi hỏi sự rành mạch và tính sáng tạo.

Sơ đồ tư duy được coi là một phương tiện mạnh để tận dụng khả năng ghi nhận hình ảnh của bộ não. Đây là cách ghi nhớ chi tiết để tổng hợp, hay để phân tích một vấn đề ra thành một dạng của lược đồ phân nhánh. Khác với máy tính, ngoài khả năng ghi nhớ kiểu tuyến tính (ghi nhớ theo một trình tự nhất định chẳng hạn như trình tự biến cố xuất hiện của một câu chuyện) thì não bộ còn có khả năng liên lạc, liên hệ các dữ kiện với nhau. Phương pháp này khai thác cả hai khả năng của bộ não. Phương pháp này có lẽ đã được nhiều người học biết đến nhưng nó chưa được hệ thống hóa và được nghiên cứu kĩ lưỡng và phổ biến chính thức trong các trường đại học. Việc sử dụng các hình ảnh trung tâm, từ khóa, màu sắc, mật mã và biểu tượng khiến cho quá trình vẽ SĐTD trở nên nhanh chóng và rất thú vị. Với nhiều người chúng ta, việc viết các ý tưởng theo kiểu truyền thống, dùng một màu để viết trên một tờ giấy có những dòng kẻ là một thói quen thâm căn cố đế. Vì thế việc rèn cho bộ não có thói quen vẽ các ý tưởng từ một hình ảnh trung tâm đòi hỏi phải kiên nhẫn và có sự luyện tập. Với cách thể hiện gần như cơ chế hoạt động của bộ não, SĐTD sẽ giúp người dùng sáng tạo hơn, tiết kiệm thời gian, ghi nhớ tốt hơn, nhìn thấy bức tranh tổng thể, tổ chức và phân loại suy nghĩ của người dùng.

Áp dụng SĐTD trong dạy và học các kĩ năng ngoại ngữ cho sinh viên là một trong các phương pháp giảng dạy mới trong quá trình dạy - học và phương pháp này đã được đề cập đến tại nhiều hội thảo, nhiều công trình nghiên cứu trong và ngoài nước. Nổi bật có nhóm 4 tác giả Jean - Luc Deladriere, Frederic Le Bihan, Pierre Mongin, Dennis Rebaud [3] đã chỉ ra rất rõ thế mạnh của SĐTD trong cuộc sống cũng như học tập. Quan điểm này sau đó được tiếp nối bởi Joyce Wycoff [6] với việc phát triển SĐTD thành công cụ tư duy hiệu quả và góp phần phổ biến phương pháp này nhiều nước trên thế giới.

Trong những năm vừa qua, có rất nhiều các bài báo, luận văn thạc sĩ chuyên ngành nghiên cứu về việc ứng dụng SĐTD trong giảng dạy và học tập, cụ thể như: Benavides [9]; Farrand, S., Hussain. F. và Hennessy, E. [20, tr.426-431] cũng đã ra được khái niệm, tác dụng của SĐTD và giải pháp để cải thiện kĩ năng đọc hiểu và viết tiếng Anh của SV chuyên ngành tiếng Anh ở bậc đại học;

Mohamad, M. [23] đã tập trung vào nghiên cứu ảnh hưởng của việc sử dụng sơ đồ tư duy nhằm cải thiện kỹ năng đọc hiểu tiếng Anh. Tuy nhiên, những nghiên cứu này chỉ tập trung vào việc đánh giá hiệu quả của sơ đồ tư duy đối với việc dạy kỹ năng đọc hiểu chứ chưa đánh giá được hiệu quả của nó đối với việc học kỹ năng đọc hiểu.

Giai đoạn 2015-2020, có sự nở rộ về nghiên cứu ứng dụng SĐTD trong giảng dạy như: Dorothy Li, Carol Pua [19] đã nghiên cứu việc áp dụng thử nghiệm SĐTD vào dạy từ vựng cho SV và đã đạt được những hiệu quả tốt. Song, đề tài này chỉ thử nghiệm áp dụng đối với việc học từ vựng chứ không áp dụng đối với dạy và học kỹ năng đọc hiểu. Sheira Ayu [28] đã tiến hành thử nghiệm áp dụng SĐTD vào dạy một dạng bài đọc (narrative text) của kỹ năng đọc hiểu. Thử nghiệm này cũng chỉ ra được những hiệu quả của áp dụng về SĐTD trong ghi nhớ những ý chính của bài khóa nhưng mới chỉ áp dụng trong một dạng bài đọc nhất định. Ngoài ra còn có các nghiên cứu của Damar Isti Pratiwi, A. F. [18, 33-41]; Iradatul, H. R. [21]; Rachmawati, U. [26]. Các tác giả đã áp dụng về SĐTD trong giảng dạy một kỹ năng cụ thể trong tiếng Anh và đã phân nào chứng minh được phương pháp này có hiệu quả trong quá trình dạy và học ngoại ngữ.

Qua việc đọc và nghiên cứu các tài liệu, chúng tôi nhận thấy việc nghiên cứu và ứng dụng SĐTD ở Việt Nam nhìn chung bước đầu phát triển tuy vậy vẫn chưa thật sự phổ biến và chưa đi sâu áp dụng SĐTD trong từng kỹ năng tiếng Anh. Thực tế, đã có những ứng dụng trong thực tế của các GV và học sinh, đồng thời cũng có những nghiên cứu thành dự án của Bộ Giáo dục - Đào tạo, các chương trình truyền hình phổ biến về SĐTD. Tuy vậy việc sử dụng SĐTD trong giảng dạy và học tập vẫn chưa trở thành hệ thống rộng khắp trong cả nước.

Cụ thể, đã có một số luận văn thạc sĩ nghiên cứu về việc ứng dụng SĐTD trong giảng dạy tiếng Anh như: Ngô Thị Quỳnh Hoa [24] đã chỉ ra những ứng dụng cụ thể của SĐTD để tóm tắt lại những ý chính trong một bài đọc của sinh viên. Luận văn đã khẳng định việc sử dụng SĐTD vào việc dạy kỹ năng đọc hiểu tiếng Anh rất phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất hiện nay của bậc đại học. Trần Đình Châu và Đặng Thị Thu Thủy [1] tập trung chỉ ra những khó khăn trong việc tổ chức hoạt động dạy học trên lớp với việc thiết kế và sử dụng SĐTD. Qua đó nhóm tác giả cũng đưa ra một số giải pháp để giúp giáo viên khắc phục những khó khăn trên. Tuy nhiên, những giải pháp này mới chỉ được đưa ra và áp dụng đối với việc một số môn học bằng tiếng Việt chưa đi sâu vào phân tích tác dụng của SĐTD đối với việc dạy - học tiếng Anh hoặc chưa áp dụng giảng dạy đọc hiểu TOEIC cho SV.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Khách thể nghiên cứu: Sinh viên không chuyên ngành tiếng Anh tại ĐHTM (chưa tham gia các kì thi TOEIC hoặc chưa đạt chuẩn đầu ra TOEIC theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Đối tượng nghiên cứu: việc sử dụng SĐTD nhằm cải thiện kỹ năng đọc hiểu theo dạng bài thi OEIC (part 7 - đọc hiểu) cho SV không chuyên ngành tiếng Anh.

Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp phân tích - tổng hợp: Tổng hợp, phân tích các tài liệu liên quan đến nội dung môn học. Phân tích kết quả điểm kiểm tra, điểm thi của SV trước và sau thời gian thực nghiệm phương pháp SĐTD; so sánh kết quả học tập của SV trước và sau thời gian thực nghiệm.

- Phương pháp điều tra xã hội học: sử dụng bảng hỏi để thu thập thông tin, nắm bắt thực tế nhằm đánh giá về phương pháp học tập kỹ năng đọc hiểu của SV.

Phỏng vấn 10 GV dạy tiếng Anh TOEIC để thu thập thông tin về suy nghĩ của GV đối với việc áp dụng SĐTD vào giảng dạy kỹ năng đọc hiểu.

- Phương pháp thực nghiệm sư phạm: Tổ chức giảng dạy 2 nhóm SV, mỗi nhóm 70 SV chia thành 2 cặp lớp. Một nhóm đối chứng (ĐC1, ĐC2) tiến hành dạy kỹ năng đọc hiểu theo phương pháp cũ và một nhóm thực nghiệm (TN 1, TN2) áp dụng mô hình dạy và học tiếng Anh theo SĐTD. Sau đó so sánh, đánh giá kết quả học tập của 2 nhóm thông qua bài kiểm tra cuối kì để xem mức độ hiệu quả của việc áp dụng mô hình SĐTD trong dạy - học kỹ năng đọc hiểu.

2.3. Kết quả khảo sát và thảo luận

2.3.1. Kết quả khảo sát giáo viên

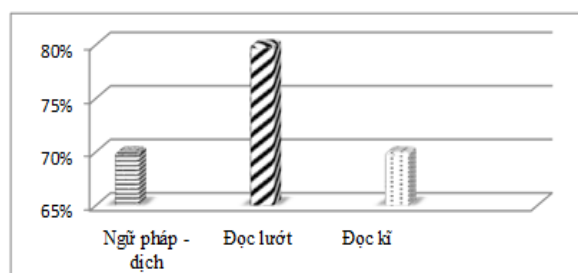
a. Nhận thức của GV đối với việc dạy kỹ năng đọc hiểu theo dạng bài thi TOEIC

Thực tế, ngày nay chúng ta không thể phủ nhận được tầm quan trọng của tiếng Anh nói chung và bài thi TOEIC nói riêng. Người học và người dạy đều hiểu được vai trò tích cực mà bộ môn này mang lại. Tuy nhiên, có một thực tế là hiện nay SV dù đã học nhiều năm ở phổ thông nhưng vẫn không có khả năng đọc hiểu một bài đọc một cách mạch lạc, trôi chảy. Điều này có nhiều nguyên nhân: (1) việc dạy ở trên lớp còn mang nặng tính lí thuyết là dạy ngữ pháp cho SV; (2) các dạng bài đọc trong bài thi TOEIC còn khá mới mẻ với SV. Ở phổ thông, học sinh gần như không được tiếp cận với những dạng bài đọc hiểu có dạng thức như vậy.

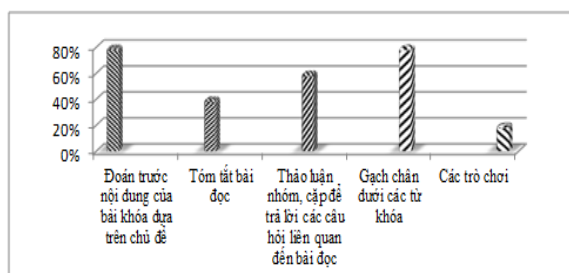
Thông qua khảo sát về nhận thức của GV khoa Tiếng Anh, ĐHTM tham gia giảng dạy TOEIC cho SV không chuyên đối với việc dạy kỹ năng đọc hiểu theo dạng bài thi TOEIC, tác giả nhận thấy 90% GV được hỏi đều đánh giá cao tầm quan trọng của kỹ năng đọc hiểu theo dạng bài thi TOEIC. Tuy nhiên, đây là một kỹ năng khó, đòi hỏi thầy cô phải có trình độ chuyên môn cao đồng thời cần hết sức linh hoạt, thiết kế các hoạt động học phù hợp để giảm bớt sự nhàm chán của SV đối với kỹ năng này. Do đặc thù của kỹ năng đọc hiểu người học cần có một vốn từ và sự hiểu biết nhất định về chủ đề bài đọc, nên đối với những lớp học có trình độ SV không đồng đều, hầu hết GV đều cho rằng họ gặp khó khăn khi dạy kỹ năng đọc hiểu theo dạng bài TOEIC.

b. Những phương pháp mà giảng viên sử dụng khi dạy kỹ năng đọc hiểu theo dạng bài thi TOEIC

Có nhiều phương pháp dạy kỹ năng đọc hiểu theo dạng TOEIC mà GV đã áp dụng để giúp SV của mình cải thiện khả năng đọc hiểu (Biểu đồ 1). Một phương pháp mà hiện nay 80% GV đều sử dụng trong giờ học đọc hiểu là phương pháp đọc lướt để nắm được nội dung bài đọc. Phương pháp ngữ pháp - dịch (grammar - translation) và đọc kĩ được 70% GV sử dụng vì tính phổ biến của phương pháp này. Nội dung chủ yếu của quá trình dạy - học theo phương pháp này là giới thiệu một cách có hệ thống toàn bộ ngữ pháp của tiếng nước ngoài gắn liền với việc đưa vào những ví dụ minh họa cho các hiện tượng ngữ pháp mới, giới thiệu theo từng giờ học và thường kết thúc bằng những bài tập đọc phục vụ cho yêu cầu rèn luyện nhằm nắm vững các kiến thức ngôn ngữ cần thiết.



Biểu đồ 1: Phương pháp giảng dạy kỹ năng đọc hiểu theo dạng bài TOEIC



Biểu đồ 2: Những hoạt động thầy cô sử dụng trong giờ dạy đọc hiểu TOEIC

Như đã đề cập ban đầu, kỹ năng đọc hiểu là một kỹ năng quan trọng nhưng đồng thời lại là một thách thức đối với GV. Để có một giờ dạy đọc hiểu hiệu quả, thầy cô phải có sự chuẩn bị kỹ, chu đáo trước giờ lên lớp. Giờ học chỉ thực sự thú vị và mang lại tính hiệu quả cao khi thầy cô tổ chức các hoạt động đọc hiểu phù hợp với từng chủ đề, với trình độ và nhận thức của SV. Biểu đồ 2 liệt kê một số hoạt động đọc hiểu thường được áp dụng. Từ biểu đồ, ta có thể thấy được *đoán từ*, *gạch chân dưới các từ khóa* là 2 hoạt động mà GV yêu cầu SV hoạt động rất nhiều trong giờ dạy đọc hiểu theo dạng bài TOEIC. Việc đoán từ, gạch chân từ khóa trong bài đọc là 2 hoạt động vô cùng quan trọng đối với kỹ năng đọc hiểu theo dạng bài TOEIC. 80% GV yêu cầu SV gạch chân dưới các từ khóa, đồng thời cũng yêu cầu người học thảo luận theo cặp hoặc theo nhóm để trả lời các câu hỏi đọc hiểu. Theo Savignon [25], việc đề xuất các hoạt động cá nhân, theo cặp và theo nhóm để tạo ra môi trường học ngôn ngữ đa dạng sẽ giúp cho người học có nhiều cơ hội tham gia vào quá trình học, từ đó xây dựng động cơ học tích cực, chủ động, tạo niềm tin và hứng thú cho bản thân trong việc học ngoại ngữ. Thảo luận theo cặp, nhóm cũng là hoạt động được 60% GV sử dụng trong giờ dạy đọc hiểu. Với số lượng SV đông như hiện nay, việc chia nhóm để thảo luận giúp thầy cô tiết kiệm được thời gian nhiều hơn. SV làm việc theo nhóm dưới sự trợ giúp của thầy cô có nhiều cơ hội để sử dụng tiếng Anh với các thành viên khác trong nhóm. Hơn thế nữa, SV được lợi rất nhiều từ cách học theo mô hình hợp tác. 40% GV được hỏi yêu cầu SV tóm tắt lại bài đọc sau khi đã học xong. Hoạt động này trong giờ đọc hiểu là cần thiết, tuy nhiên đây cũng là một hoạt động khó khi SV có trình độ thấp. 20% số GV được hỏi sử dụng các trò chơi trong một số giờ dạy đọc hiểu TOEIC. Do đặc thù của kỹ năng đọc hiểu không giống kỹ năng nói, việc áp dụng trò chơi trong giờ học đọc hiểu là một hoạt động tương đối khó. Số GV áp dụng trò chơi vào dạy kỹ năng đọc hiểu thường vào giai đoạn sau khi đọc (post reading), khi GV muốn SV tổng hợp lại nội dung của những bài đọc trong giờ dạy. Tuy nhiên, hoạt động này đã được chứng minh là không mấy hiệu quả nên ít được GV lựa chọn sử dụng.

Đối với SĐTD, 70% GV được hỏi điều hiểu SĐTD và cách sử dụng của phương pháp này. Đa số GV đều cho rằng phương pháp này rất có hiệu quả đối với một số môn học bằng tiếng Việt, GV tiếng Anh có áp dụng giảng dạy sử dụng SĐTD trong giảng dạy các kỹ năng nói và viết. Tuy nhiên hầu như chưa GV nào sử dụng phương pháp này vào dạy kỹ năng đọc hiểu theo dạng bài TOEIC.

2.3.2. Kết quả khảo sát sinh viên

2.3.2.1. Kết quả khảo sát bài kiểm tra đối với sinh viên

a. Kết quả bài kiểm tra trước khi thực nghiệm (pre-test)

Kết quả của bài kiểm tra trước khi thực nghiệm cho thấy trình độ SV ở 2 nhóm lớp TN và ĐC là tương đương nhau. Không có điểm giỏi (từ 8,5 trở lên) ở cả hai nhóm lớp, số điểm khá (7-8,4) chiếm

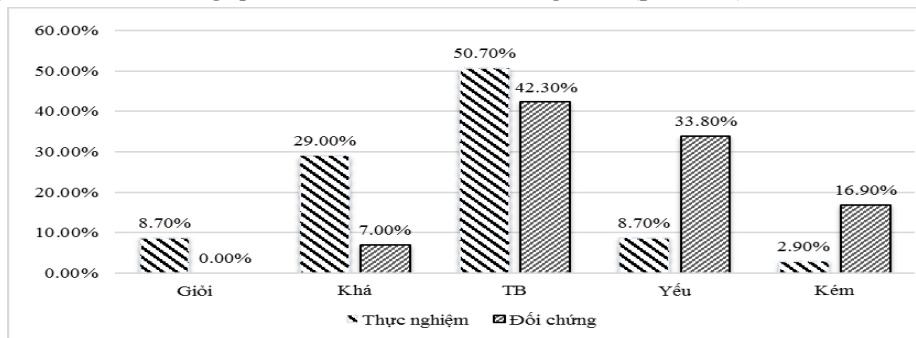
tỉ lệ rất thấp (0 - 5%), trong khi đó số điểm trung bình, yếu, kém chiếm tỉ lệ cao (khoảng 30% ở mỗi nhóm lớp). Điều này cho thấy kĩ năng đọc hiểu theo dạng bài TOEIC của SV còn tương đối yếu.

Bảng 1: Kết quả bài kiểm tra trước khi thực nghiệm (pre-test) của 2 cặp lớp ĐC-TN

Tiêu chí	TN1	ĐC1	TN2	ĐC2
Giỏi	0%	0%	0%	0%
Khá	5,7%	5,7%	0%	2,8%
TB	28,6%	30,2%	31,4%	36,1%
Yếu	34,3%	31,4%	42,1%	36,1%
Kém	31,4%	32,7%	26,5%	25%

b. Kết quả bài kiểm tra sau khi thực nghiệm (post test)

Sau khi SV làm bài kiểm tra sau thực nghiệm, nhóm tác giả tổng hợp, so sánh kết quả giữa hai lớp thực nghiệm và đối chứng qua bài kiểm tra sau thực nghiệm (post test).



Biểu đồ 3: Kết quả bài kiểm tra tổng hợp sau khi thực nghiệm giữa 2 nhóm ĐC và TN

Số liệu từ biểu đồ 3 cho thấy số lượng bài kiểm tra đạt điểm khá, giỏi (trên 7) của hai lớp thực nghiệm tăng lên khá nhiều, tương đương với gần 40% trong khi đó, trong khi đó ở hai lớp ĐC, tỉ lệ này vô cùng khiêm tốn, chỉ chiếm 7%. Tỉ lệ SV đạt nhóm điểm yếu và kém ở hai lớp TN đã giảm đi đáng kể, chỉ còn khoảng 10%. Trong khi đó, tỉ lệ này ở hai lớp ĐC là khoảng 50%.

Bảng 2: Tỉ lệ (%) so sánh kết quả bài kiểm tra pre - test và post - test của nhóm TN

Nhóm SV	Trước thực nghiệm	Sau thực nghiệm	So sánh
Khá + giỏi	5,7	40	34,3
Trung bình	35	50	15
Yếu + kém	59,3	10	-49,3

Dựa vào bảng số liệu trên, ta thấy tỉ lệ SV đạt điểm số cao hơn (từ mức trung bình trở lên) đã tăng đáng kể so với kết quả trước khi thực nghiệm tại 2 lớp thực nghiệm. Tỉ lệ khá giỏi tăng lên 34,3% so với trước thực nghiệm trong khi đó tỉ lệ trung bình tăng 15%. Đặc biệt, tỉ lệ SV có điểm số yếu kém giảm đi một cách rõ rệt (gần 60%) xuống còn 10% sau khi thực nghiệm. Điều này phần nào đã chứng minh được phương pháp SĐTD đã mang lại hiệu quả trong việc thúc đẩy kết quả của người học.

2.3.2.2. Kết quả khảo sát, phỏng vấn sinh viên

Để đánh giá về hiệu quả của phương pháp giảng dạy bằng SĐTD cho kỹ năng đọc hiểu theo dạng bài thi TOEIC, nhóm nghiên cứu đã tiến hành khảo sát ý kiến của SV hai lớp TN.

Bảng 3: Tỷ lệ (%) kết quả khảo sát sinh viên hai lớp TN sau post test

Tiêu chí khảo sát	Vô cùng hài lòng	Hài lòng	Không hài lòng	Vô cùng không hài lòng
Khả năng đọc (tốc độ và độ chính xác)	13,3	72,4	14,3	0
Quá trình làm việc nhóm	41,0	45,7	11,4	1,9
Ứng dụng SĐTD trong hoạt động đọc	34,3	57,1	08,6	0
Cách xử lý vấn đề khi sử dụng SĐTD trong dạy và học đọc hiểu TOEIC	14,4	50,0	35,6	0
Quá trình giảng dạy của GV	36,4	60,0	03,6	0

Đa số (72,4%) SV hài lòng với khả năng đọc cả về tốc độ và độ chính xác, trong khi 60% trong số họ đồng ý rằng lập bản đồ tư duy quá trình giảng dạy rõ ràng và giúp họ xây dựng sơ đồ tư duy. Ngoài ra, hơn một nửa số SV (57,1%) nhận thấy lập bản đồ tư duy là một hoạt động đọc bài hữu ích và họ khá hài lòng với việc ứng dụng SĐTD trong hoạt động đọc hiểu. Đối với làm việc nhóm trong quá trình học đọc hiểu sử dụng SĐTD, 90% người học đồng ý rằng họ rất thích làm việc theo nhóm và cảm thấy hài lòng với việc làm nhóm khi áp dụng SĐTD trong dạy và học kỹ năng đọc hiểu. Tuy nhiên vẫn còn gần 15% SV cảm thấy không hài lòng với làm nhóm trong quá trình học.

Riêng về vấn đề SV gặp phải khi áp dụng SĐTD khi làm các bài đọc hiểu trong dạng bài thi TOEIC: hơn một nửa số SV (khoảng 65%) cảm thấy không gặp khó khăn gì để vẽ một SĐTD; 21,4% SV cho rằng việc vẽ SĐTD sẽ làm tốn thời gian làm bài; 1/14 SV được hỏi (7,1%) gặp khó khăn ở việc không tìm được từ khóa hay cụm từ trọng tâm để điền vào các nhánh tư duy, sinh viên không biết cách khái quát các ý cô đọng thành sơ đồ; 7,1% có ý kiến rằng nhìn vào SĐTD họ chưa biết diễn đạt bằng lời. Đây được xem như là hạn chế của GV khi ứng dụng SĐTD vào dạy học, GV cần hết sức chú ý, vừa phải kết hợp SĐTD vừa kết hợp các phương pháp khác như hướng dẫn SV đọc thầm, đọc lướt, đọc kỹ, đoán từ... để SV nắm được nội dung bài đọc một cách nhanh chóng và hiệu quả hơn.

Đối với câu hỏi *Sinh viên có đề xuất gì để việc dạy kỹ năng đọc hiểu tiếng Anh bằng SĐTD được tốt hơn?* có 5/14 (35,7%) SV có đề xuất GV cần hướng dẫn kỹ hơn về cách học SĐTD đối với kỹ năng đọc hiểu, lí do mà SV đưa ra là họ còn yếu về mặt từ vựng, nên đôi khi chưa biết cách vẽ SĐTD cho một bài đọc hiểu một cách cụ thể và chính xác; 8/14 (57,1%) mong muốn nhà trường tổ chức nhiều buổi thảo luận về phương pháp học tập trong đó có sự tham gia của GV và SV, đặc biệt là nhân rộng phương pháp SĐTD cho cả các môn học khác; 50% số SV được hỏi cho rằng bản thân cần phải có sự tìm tòi, luyện tập nhiều hơn để sử dụng phương pháp SĐTD một cách hiệu quả nhất.

Kết quả của nghiên cứu này phù hợp với những nghiên cứu trước, chứng minh rằng lập SĐTD có thể nâng cao khả năng đọc của người học. Từ nghiên cứu, nhóm tác giả nhận thấy sau khi dạy các kỹ thuật lập bản đồ tư duy, đa số SV đã cải thiện khả năng đọc của mình và điểm trung bình sau bài kiểm tra của họ là 12,15 so với điểm trung bình trước khi kiểm tra là 11,17 mặc dù tỉ lệ tăng chưa thực sự quá cao.

Như vậy, với kết quả thực nghiệm giảng dạy kỹ năng đọc hiểu bằng SĐTD, nhóm nghiên cứu đã chỉ ra được những hiệu quả mà phương pháp này đem lại cho người sử dụng. Mặc dù kết quả SV đạt điểm khá giỏi còn hạn chế, kết quả yếu kém chưa giảm đi rõ rệt nhưng bước đầu phương pháp này đã nâng cao được khả năng đọc hiểu theo dạng bài thi TOEIC của SV không chuyên ngành tiếng Anh-ĐHTM. Điều này chứng minh tính hiệu quả của mục đích TN ban đầu đã đề ra, tính khả thi của nghiên cứu có thể ứng dụng rộng rãi trong dạy học không chỉ đối với giảng dạy kỹ năng đọc hiểu tiếng Anh mà còn sử dụng để giảng dạy các môn khác tại ĐHTM, giúp cho GV và SV phát huy được tính tích cực, chủ động và sáng tạo trong quá trình dạy học, góp phần từng bước nâng cao chất lượng giáo dục, giúp SV nắm được phương pháp học phù hợp để từ đó đạt được chuẩn đầu ra TOEIC theo định hướng của trường.

2.4. Một số giải pháp

2.4.1. Đối với giảng viên

Từ kết quả nghiên cứu trên, có thể thấy hạn chế về từ vựng được coi là một trong những vấn đề lớn của người học đọc hiểu. Mặc dù trong quá trình dạy, GV đều chú trọng đến giảng dạy và hướng dẫn các từ vựng cần thiết trước khi vào bài đọc và giúp SV nắm bắt từ vựng trong khi đọc hiểu. Tuy nhiên, SV vẫn gặp vấn đề về các từ vựng và họ cảm thấy khó diễn đạt được nội dung thông tin khi nhìn vào SĐTD do họ không có đủ vốn từ để hiểu và diễn đạt được nội dung theo chủ đề nhất định. Vì thế trong quá trình giảng dạy, đặc biệt giai đoạn trước khi đọc, GV nên dành nhiều thời gian hơn để dạy cả từ vựng và cung cấp cho SV các hoạt động, tạo cơ hội cho SV tương tác với từ vựng và hướng dẫn để SV nắm rõ được từ vựng thông qua trò chơi, hoặc bài tập để SV tự tin với vốn từ của mình trước khi bắt tay vào xây dựng SĐTD. Đối với việc rút ra các ý chính và tóm tắt câu chuyện, GV có thể khuyến khích SV bằng cách cung cấp cho họ những đoạn đọc ngắn hơn để luyện tập.

Một yếu tố quan trọng khác có thể ảnh hưởng đến khả năng của SV là lập bản đồ tư duy không phải là một hoạt động vẽ đơn thuần. SV phải có hiểu biết về việc đọc các đoạn văn ở một mức độ nhất định kết hợp với việc tìm ra được các ý chính từ đoạn văn đó và viết và sơ đồ. Đối với những em có khả năng đọc và tìm ý kém thì khả năng viết vào sơ đồ cũng kém. Đây là nguyên nhân khiến người học cảm thấy họ không thể xây dựng SĐTD.

Với đặc thù môn học ngoại ngữ là môn học thiên về giao tiếp, không có một phương pháp giảng dạy nào được xem là tối ưu, có thể áp dụng cho mọi nội dung, mọi học phần, mọi đối tượng. Vì thế trong quá trình giảng dạy, GV cần phải áp dụng linh hoạt các phương pháp dạy học và khai thác có hiệu quả các phương tiện và công cụ hiện có để giờ giảng đạt hiệu quả tốt nhất tùy theo điều kiện cụ thể. Với sự phát triển mạnh mẽ của CNTT-TT, GV không thể duy trì cách dạy học truyền thống. Thông qua nhiều phương thức học hỏi, trao đổi kinh nghiệm, GV có thể áp dụng các trò chơi online hoặc các phần mềm hỗ trợ để tăng hứng thú cho SV, tạo động lực cho SV tham gia vào bài học một cách tích cực, hiệu quả.

GV cần thiết kế nhiều loại hình hoạt động khác nhau theo mức độ khó tăng dần và phù hợp với từng nhóm SV. Sử dụng nhiều loại giáo cụ trực quan khác nhau trong giờ giảng, tăng sức hấp dẫn cho bài giảng. Quan tâm nhiều hơn nữa đến động cơ, thái độ và chiến lược học của SV; giúp SV đánh giá đúng đắn sự cần thiết của tiếng Anh cho tương lai, để từ đó có thể xác định được động cơ, thái độ học tập tích cực, chiến lược học có hiệu quả.

2.5.2. Đối với sinh viên

Sinh viên cần xác định cho mình một động cơ, thái độ học tập đúng đắn, chiến lược học phù hợp để nâng cao chất lượng học, tích cực tham gia vào các hoạt động tại lớp; tận dụng thời gian ở lớp để thực hành giao tiếp với các bạn cùng lớp.

Bên cạnh đó, việc tạo thói quen tư duy bằng tiếng Anh, hạn chế việc chuyển đổi ý tưởng từ tiếng Việt sang tiếng Anh cũng góp phần giúp SV sử dụng tiếng Anh một cách linh hoạt hơn. SV có thể áp dụng từ và cấu trúc ngữ pháp đã học trong nhiều tình huống khác nhau, cố gắng đoán nghĩa của từ, câu bằng cách căn cứ nội dung bài đọc, bài nghe hoặc tình huống giao tiếp, không nên quá phụ thuộc vào từ điển; luyện phát âm chuẩn qua băng, đĩa; đồng thời, kết hợp học theo nhóm hoặc theo cặp để có hiệu quả cao hơn.

3. Kết luận

Từ kết quả nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy: việc áp dụng SĐTD trong dạy kỹ năng đọc hiểu tiếng Anh theo dạng bài thi TOEIC giúp SV có cái nhìn tổng quát, nắm được những kiến thức trọng tâm, tiết kiệm được nhiều thời gian hơn so với việc SV sử dụng các phương pháp học tập truyền thống grammar - translation (ngữ pháp - dịch). Đồng thời, SV tiếp thu bài khá dễ dàng và ghi nhớ được thông tin trong bài đọc một cách nhanh chóng, chính xác. Với cách học truyền thống, SV sẽ mất rất nhiều thời gian vào việc tra từ, tìm hiểu nghĩa của từ qua từ điển. Việc áp dụng SĐTD ở các lớp TN giúp SV hứng thú hơn trong học tập, từ đó tạo sự chủ động học tập sáng tạo không ngừng, từ đó giúp SV nâng cao kỹ năng đọc hiểu theo dạng bài thi TOEIC cũng như các dạng đọc hiểu khác nhằm đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra.

Tuy nhiên, không có phương pháp nào là tối ưu. Việc sử dụng SĐTD vào dạng bài đọc hiểu tiếng Anh còn có những hạn chế cần được khắc phục như: do mới đầu sử dụng SĐTD, SV còn lúng túng trong việc dựng một SĐTD, tìm ý trọng tâm hay các ý chính trong mỗi nhánh tư duy. Vậy nên để việc giảng dạy trở nên có hiệu quả hơn, GV phải linh hoạt kết hợp phương pháp SĐTD với các phương pháp dạy học tích cực khác để xây dựng được bài giảng sinh động, lôi cuốn giúp SV đạt được kết quả học tập tốt hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Trần Đình Châu, Đặng Thị Thu Thủy, *Tổ chức hoạt động dạy học với Bản đồ tư duy*, Giáo dục & thời đại Số 384, 2015.
2. Phạm Minh Hiền, Phạm Mai Hương, *Dạy đọc hiểu theo đường hướng lấy người học làm trung tâm*, Đặc san Ngoại ngữ số 1, tr 8-12, 2005.
3. Jean, L., Frederic, L., Pierre, M. & Dennis, R., *Sắp xếp ý tưởng với Sơ đồ tư duy*, Trần Chánh Nguyên dịch, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh., 2019.
4. Nguyễn Cảnh Toàn, *Quá trình Dạy - Tự học*, Nxb Giáo dục, 1997.
5. Phạm Việt Vượng, *Đề cương bài giảng lý luận dạy học*, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, 1996.
6. Wycoff, J., *Mindmapping*, Thanh Vân, Việt Hà dịch, Nxb Lao động - Xã hội, 2020.

Tiếng Anh

7. Bang Khanh Nong, Pham Tuan Anh & Tran Nu Mai, *Integrate the digital mind-mapping into teaching and learning psychology*, Teacher Training Component - ICT, Vietnam, 2009.

8. Al-Jamal, D., Al-Hawamleh, M. & Al-Jamal, G., *An assessment of reading comprehension practice in Jordan*, Jordan Journal of Educational Sciences, 9(3), pp.335-344, 2013.
9. Benavides, S., Rivera, F., & Rubio, M., *Improving reading comprehension skills by using mind -mapping software with students of bachelor's degree in English attending reading and writing in English II course*, (Master thesis) Universidad de Oriente UNIVO, San Miguel, El Salvador, 2010.
10. Berg, H. *How to use mind-mapping to improve reading comprehension*, Retrieved August 2, 2017, from Mapping-to-Improve-Reading- Comprehension & id=5761817. 2011.
11. Bidarra, J., Guimarães, N., & Kommers, P. A. M., *Handling hypermedia complexity: Fractal hyperscapes and mind-mapping*, Paper presented at the eighth ACM Multimedia Conference, Los Angeles, 2000.
12. Burns P., & Roe. B., *Informal reading inventory*, Houghton Mifflin, Boston, 2002.
13. Buzan, T., & Buzan, B., *The mind mapping book: How to use radiant thinking to maximize your brain's untapped potential*, BBC., London, 1996.
14. Buzan, T., *Mind maps for kids: An introduction*, Harper Thorsons, Hammersmith, London, 2006.
15. Casco, M., *The use of "Mind Maps" in the teaching of foreign languages*. XXXV FAAP Conference Proceedings. Bahía Blanca, 2009.
16. Christodoulou, K., *Collaborative on-line concept mapping* (Master's thesis), University of Manchester, UK, 2010.
17. Dara, C., *Hand drawing Vs. using software mind mapping*, Retrieved July 21, 2017, from <http://www.isoftwarereviews.com/hand-drawinGVs- using-software-mind-mapping>. 2010.
18. Damar Isti Pratiwi, A. F., *The implementation of mind mapping strategy to teach writing in IELTS preparation class*. UNNES, pp.33-41., 2016.
19. Dorothy, L & Carol, P., *Using mind-mapping as a tool to teach English vocabulary for the elementary students*, Learning and Instruction 8, 2015.
20. Farrand, S., Hussain, F. & Hennessy, E., *The efficacy of the mind map study technique*, Journal of Medical Educational, 36(5), pp.426-431. 2002.
21. Iradatul, H. R., *Utilizing mind mapping as assessment tool for reading comprehension*, English Language Teaching and research, 2017.
22. Murley, D., *Mind-mapping complex information*, Southern Illinois University School of Law Library, Illinois, 2007.
23. Mohamad, M. *The impact of mind maps on students' reading comprehension*, English language teaching, số 11, 2018.
24. Ngô Thị Quỳnh Hoa, *Using mind mapping techniques to improve reading comprehension ability of second year non-english major students At Thai nguyen university*, Đại học Thái nguyên, 2016.
25. Ortlieb, E. *Using Anticipatory Reading Guides to Improve Elementary Students' Comprehension*, International Journal of Instruction, 6(2), pp. 145-162. 2013.
26. Rachmawati, U., *Reading interest of senior high school students: A case study*, JOLLT Journal of Languages and Language Teaching, 6(1), pp.17-26, 2018.
27. Savignon S.J., *Communicative competence: An experiment in foreign language teaching*, Philadelphia, PA Center for Curriculum Development, 1972.
28. Sheira A., *The effectiveness of using mind mapping in improving students' reading comprehension of narrative text*, Kementeria Agama UIN Jarkarta, 2015.